

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 11-01-2018

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;
hợp đồng góp hụi.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

- Ông Châu Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2017/QDDS-ST ngày 19/12/2017, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988, (vắng mặt);

2.2 Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/07/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Vì là chỗ hàng xóm nên vào ngày 9/10/2015 bà có cho bà Đỗ Thị K vay số

tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng; tiếp đến ngày 8/6/2016 bà cho bà Đỗ Thị K vay thêm số tiền 22.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng; ngày 20/8/2016 thì bà K tiếp tục vay thêm của bà số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng. Tổng cộng 03 lần vay là 37.000.000 đồng nhưng bà K không trả bà được khoản tiền lãi nào như đã thỏa thuận;

Ngoài ra, bà K còn tham gia dây hụi do bà làm chủ, dây hụi có 80 người chơi, bà K tham gia chơi 60 phần; hụi khui mỗi ngày, mỗi phần là 10.000 đồng, lần đầu tiên khui vào ngày 25/8/2016, đến ngày 28/8/2016 bà K hốt 40 phần, tiếp đến ngày 03/9/2016 thì bà K hốt 20 phần còn lại. Từ ngày 25/8/2016 đến ngày 28/8/2016 bà K châu hụi được 1.530.000 đồng và từ ngày 28/8/2016 đến ngày 3/9/2016 thì bà K ông Đ châu được 2.850.000 đồng, những ngày còn lại bà K không đóng hụi chết cho bà, bà phải châu hụi chết thay cho bà K, đến ngày hụi kết thúc là ngày 12/10/2016 với số tiền là 43.200.000 đồng.

Việc vay tiền và góp hụi không làm giấy tờ gì, khi phát sinh tranh chấp ngày 22/5/2017, tại Ban áp Đ, xã N tổ chức hòa giải thì bà Kim N có trình bày và yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà K trả số tiền vay là 37.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 43.200.000 đồng, nhưng bà Đỗ Thị K chỉ thừa nhận nợ vay là 37.000.000 đồng và nợ hụi là 40.000.000 đồng, có trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại tổng cộng là 72.000.000.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim N chấp nhận số tiền mà bà Đỗ Thị K thừa nhận còn nợ tiền vay 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) và số tiền nợ hụi 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), cộng chung là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ liên đới trả cho bà.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Khi xảy ra tranh chấp, ông có tham gia hòa giải do văn phòng áp Phú Nhứt tổ chức (mượn địa điểm hòa giải ở ấp Đ Hưng, xã Nhơn Hưng) theo biên bản hòa giải ngày 22/5/2017, tại buổi hòa giải thì bà Kim N có trình bày là yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền vay là 37.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 43.200.000 đồng, nhưng ông chỉ vợ ông (bà Đỗ Thị K) có thừa nhận nợ vay là 37.000.000 đồng và nợ hụi là 40.000.000 đồng, có trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại tổng cộng là 72.000.000. Do ông thấy nợ quá nhiều, mà số nợ này ông hay biết nên ông bỏ về, không ký tên vào biên bản hòa giải. Việc vay tiền và chơi hụi này là của vợ ông, ông hoàn toàn không biết và ông không thừa nhận số tiền này, do đó ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Kim N.

Quá trình tố tụng, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Đỗ Thị K vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 19/12/2017, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đỗ Thị K, ông Nguyễn Văn Đ chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự xác định được quan hệ vay tiền, góp hụi giữa bà Nguyễn Thị Kim N với bà Đỗ Thị K là có thật. Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu bà K trả số tiền vay + hụi là 72.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu ông Đ liên đới trả số nợ này, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với lời khai của ông Đ tại phiên hòa giải ở Ban áp Đ, xã N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn chị Đỗ Thị K, anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền: Theo địa chỉ cư trú của bị đơn tại ấp P, xã A, huyện T nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo xác minh tại địa phương thì đây tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi được thực hiện giữa bà Đỗ Thị Kim N và bà Đỗ Thị K. Việc vay tiền và tham gia góp hụi hai bên không làm giấy tờ gì, khi phát sinh tranh chấp thì ngày 22/05/2017, tại Ban áp Đ, xã N tổ chức hòa giải với sự tham gia của nguyên đơn bà Kim N, bị đơn bà Đỗ Thị K, ông Nguyễn Văn Đ. Theo bà Kim N thì cho rằng bà K còn nợ bà số

tiền vay là 37.000.000đ và nợ tiền hụi là 43.200.000đ, cộng chung là 80.200.000đ. Thuy nhiên, bà K thì chỉ thừa nhận nợ vay là 37.000.000đ và nợ tiền hụi là 40.000.000đ và đã trả được 5 triệu, còn lại 72 triệu.

[3.2] Xét thấy việc vay tiền được thực hiện giữa nguyên đơn bà Kim N với bị đơn bà K, riêng ông Đ thì không biết, không tham gia. Theo xác minh tại địa phương thì bà K và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của một bên.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Kim N chấp nhận số nợ 72.000.000đ và chỉ yêu cầu bà K trả số nợ này. Yêu cầu của nguyên đơn bà Kim N là có căn cứ, phù hợp với lời khai của ông Đ, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Đỗ Thị K phải có nghĩa vụ trả số tiền 72.000.000đ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

[3.3] Xét lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Thị K có lỗi nên phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền được chấp nhận của nguyên đơn (72.000.000đ x 5%) là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Do yêu cầu K kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, do đó hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 290, 471, 474, 479 Bộ luật dân sự N 2005;

- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N

1. Buộc bà Đỗ Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim N tổng số tiền là: 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Đỗ Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí là 2.005.000đ theo biên lai thu số TU/2015/0015667 ngày 08/06/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (3);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, Vp (2).

Châu Nam Phú